

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ GIA MẬP  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/DSST  
Ngày 28-9-2020  
V/v tranh chấp liên quan đến yêu cầu  
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Tấn Lãm

Bà Nguyễn Thị Mùa

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Hoàng Tuấn Anh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Điều Thị L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: thôn B, xã B1, huyện B2, tỉnh Bình Phước;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Bùi Như C, sinh năm 1982 “có mặt”;

Địa chỉ: tổ 1, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước;

***- Bị đơn:*** Anh Hà Văn H, sinh năm 1988 “có mặt”;

Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện B2, tỉnh Bình Phước;

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Văn phòng công chứng Phạm D (nay đổi tên thành Văn phòng Công chứng Ngọc H1) “có đơn xin vắng mặt”;

Địa chỉ: thôn K, xã P, huyện B2, tỉnh Bình Phước;

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2019 và quá trình tranh tụng tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Điều Thị L có diện tích đất 700m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn B, xã B1, huyện B2, tỉnh Bình Phước, do cần tiền để giải quyết công việc nên bà L nhờ chị gái Thị Nh làm thủ tục vay tiền Ngân hàng. Trong quá trình làm thủ tục hồ sơ vay thì bị ông Hà Văn H, sinh năm 1988 trú tại thôn T, xã P, huyện B2, tỉnh Bình Phước giữ luôn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L (do bà Thị Nh có nợ tiền của ông H) từ thời điểm đó ông H liên tục gọi điện thoại đe dọa, gọi người giang hồ tới nhà gây sức ép, ép buộc bà L phải chịu trách nhiệm khoản nợ cho bà Thị Nh. Ông H nói nếu không trả sẽ lấy đất, mặc dù bà L có giải thích về trách nhiệm dân sự của các bên nhưng ông H hung hăng đến nhà đe dọa, đến cơ quan bà L làm việc quấy phá, buộc bà L phải ra gặp mặt thương lượng. Do đó, ngày 16/11/2018 ông H nói sẽ đứng ra vay ngân hàng cho bà L số tiền 260.000.000 đồng, ông H ép bà L phải trả thay cho bà Thị Nh số tiền 160.000.000 đồng còn 100.000.000 đồng bà L nhận lại. Ông H tiếp tục ép bà L ra văn phòng công chứng Phạm D tại thôn K, xã P, huyện B2, tỉnh Bình Phước để làm hợp đồng vay số tiền 260.000.000 đồng để làm căn cứ sau này bà L có làm một bản thỏa thuận phụ trong đó ghi rõ: Bà L giao cho ông H một cuốn sổ đỏ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), một bằng đại học sư phạm, một chứng chỉ hành nghề Tiếng anh (tất cả bản gốc mang tên bà Điều Thị L) trong bản cam kết hai bên thống nhất có ghi rõ và ký nhận của ông H, bà L chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ trong hợp đồng khi ông H vay tiền ngân hàng và bàn giao đầy đủ như thỏa thuận. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông H không thực hiện theo cam kết mà giữ luôn tất cả các giấy tờ của bà L. Hiện nay, ông H vẫn tiếp tục gây sức ép đòi khoản nợ trong hợp đồng ký ngày 16/11/2018. Việc ký vay tiền giữa bà L và ông H chỉ là giả tạo, không xuất phát từ ý chí nguyện vọng của bà L, bà L chưa nhận được bất kỳ tài sản mà ông H cam kết vay từ ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên hủy hợp đồng vay tiền giữa bà L và ông H ký kết ngày 16/11/2018 tại Văn phòng công chứng Phạm D và yêu cầu ông H trả lại các giấy tờ gốc gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Điều Thị L, bằng đại học, chứng chỉ hành nghề tiếng Anh.

*Bị đơn ông Hà Văn H trình bày:*

Vào ngày 16/11/2018, ông H và bà L có giao kết hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Phạm D. Tại thời điểm giao kết hợp đồng chứng ông H thỏa thuận ông H cho bà L vay số tiền 260.000.000 đồng tiền gốc, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày hợp đồng vay tiền được công chứng, mục đích ghi trong hợp đồng là để kinh doanh. Ông H đã giao số tiền 260.000.000 đồng, tiền mặt cho bà L tại nhà ông H, sau khi giao tiền cho bà L thì ông cùng bà L đi ra Văn phòng công chứng Phạm D để lập hợp đồng vay tiền ngày 16/11/2018, khi đó chỉ có ông H và bà L giao tiền

với nhau. Ông H tự nguyện đi đến Văn phòng công chứng Phạm D để lập hợp đồng vay tiền ngày 16/11/2018 và bà L là người đề xuất việc đến Văn phòng công chứng Phạm D để lập hợp đồng vay tiền ngày 16/11/2018. Tại Văn phòng công chứng Phạm D có mặt cả ông H và bà L để ký trực tiếp vào hợp đồng vay tiền và ký trước mặt công chứng viên. Và cùng đọc lại dự thảo hợp đồng trước khi ký vào hợp đồng, rồi sau đó mỗi người giữ một bản. hiện nay ông H có giữ các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Điều Thị Liên, bằng đại học, chứng chỉ hành nghề tiếng anh tất cả là bản gốc.

Tại phiên tòa, ông H không đồng ý với yêu cầu của bà L. Việc ông H và bà L ký kết hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Phạm D là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc hay lừa dối và việc lập hợp đồng vay tiền ngày 16/11/2018 tại Văn phòng công chứng Phạm D là xuất phát từ ý chí của bà L vì bà L là người đưa ra đề xuất ra Văn phòng công chứng Phạm D để ký kết hợp đồng vay tiền. Đối với các giấy tờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Điều Thị Liên, bằng đại học, chứng chỉ hành nghề tiếng anh của bà L ông H đang giữ thì khi nào bà L trả đủ tiền nợ 260.000.000 đồng cho ông H thì ông H sẽ trả lại cho bà L.

*Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng Phạm D tại văn bản tự khai ngày 22/6/2020 trình bày:*

Ngày 16/11/2018, Văn phòng Công chứng Phạm D có tiếp nhận yêu cầu công chứng hợp đồng của ông Hà Văn H ở thôn K, xã P, huyện B2, tỉnh Bình Phước về việc: Hợp đồng vay tiền.

Sau khi tiếp nhận Phiếu yêu cầu công chứng, kiểm tra hồ sơ hợp đồng gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của hai bên, hỏi cặn kẽ ông Hà Văn H và bà Điều Thị L về nội dung giao dịch; Thư ký nghiệp vụ soạn thảo hợp đồng theo đúng thông tin và nội dung giao dịch giữa ông H và bà L và chuyển dự thảo hợp đồng để ông H, bà L tự đọc, hai bên đồng ý toàn bộ nội dung hợp đồng.

Thư ký nghiệp vụ giải thích rõ quyền, nghĩa vụ của bên cho vay và bên vay, hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng, hậu quả của việc nếu không thực hiện đúng thỏa thuận, không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Các bên cùng cam kết là tự nguyện ký kết, xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc giao kết và thực hiện hợp đồng. Công chứng viên tổ chức cho hai bên ký và điểm chỉ vào hợp đồng (03 bản) theo đúng quy định.

Tại thời điểm công chứng hợp đồng, các bên có năng lực hành vi dân sự, đều nói là tự nguyện giao kết, tự chịu trách nhiệm về nội dung giao dịch, thanh toán và lãi suất thỏa thuận phù hợp pháp luật. Văn phòng Công chứng thực hiện việc công chứng đúng quy trình và thủ tục pháp luật quy định. Do đó, đề nghị Tòa án theo quy định của pháp luật để xét xử.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước như sau:***

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Không chấp nhận yêu cầu tuyên hủy hợp đồng vay tiền giữa bà L và ông H ký kết ngày 16/11/2018 tại Văn phòng công chứng Phạm D.

- Chấp nhận yêu cầu buộc ông H trả lại các giấy tờ gốc gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Điều Thị L, bằng đại học, chứng chỉ hành nghề tiếng Anh.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Điều Thị L khởi kiện ông Hà Văn H yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng vay tiền giữa bà L và anh Hoàn ký kết ngày 16/11/2018 tại Văn phòng công chứng Phạm D. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là không đúng với nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết của nguyên đơn. Vì vậy, tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Hà Văn H có nơi cư trú tại xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2] Về người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chức Phạm D có văn bản xin giải quyết vắng mặt nên theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị Nh, trong quá trình thụ lý vụ án có xác định bà Thị Nh tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử nhận định đây là Tranh chấp liên

quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” theo quy định tại khoản 11 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên xét thấy việc xác định bà Thị Nh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia trong vụ án này là không cần thiết.

[3] Xét, Hợp đồng vay tiền ký kết ngày 16/11/2018 giữa ông Hà Văn H và bà Điều Thị L được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm D (nay đổi tên thành Văn phòng Công chứng Ngọc Huy). Về chủ thể: Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận tại thời điểm thực hiện giao dịch các chủ thể đều là người thành niên, không bị hạn chế năng lực pháp luật dân sự, không bị mất năng lực hành vi dân sự, do đó, các chủ thể đều có quyền tham gia giao dịch và đều có năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 19 Bộ luật Dân sự 2015. Về mục đích và nội dung của hợp đồng: Hợp đồng vay tiền ký kết ngày 16/11/2018 giữa ông Hà Văn H và bà Điều Thị L được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm D và được Văn phòng công chứng Phạm D công chứng đúng theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 117, Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét về đối với ý kiến của nguyên đơn cho rằng: Hợp đồng vay tiền ký kết ngày 16/11/2018 giữa ông Hà Văn H và bà Điều Thị L được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm D (nay đổi tên thành Văn phòng Công chứng Ngọc Huy) chỉ là giả tạo, không xuất phát từ ý chí nguyện vọng của bà L. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại ngay phần đầu của hợp đồng đã thể hiện *“Hai bên tự nguyện thỏa thuận giao kết thực hiện hợp đồng vay tiền với nội dung sau đây:...”*. Hơn nữa, tại Điều 4 hợp đồng vay tiền cũng đã ghi rõ: CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN *“...-Việc giao kết hợp đồng này là tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hay bị ép buộc. ...”*. Như vậy, ngay từ thời điểm các bên thực hiện đề nghị giao kết hợp đồng đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận với nhau để thực hiện giao kết hợp đồng. Đồng thời, tại bản trình bày ý kiến của Văn phòng Công chứng Phạm D thể hiện *“Thư ký nghiệp vụ soạn thảo hợp đồng theo đúng thông tin và nội dung giao dịch giữa ông H và bà L và chuyển dự thảo hợp đồng để ông H, bà L tự đọc, hai bên đồng ý toàn bộ nội dung hợp đồng.”*. Mặc dù, phía nguyên đơn cho rằng việc ký kết hợp đồng là không xuất phát từ ý chí nguyện vọng của bà L nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày yêu cầu của mình là có căn cứ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, quy định: *“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”*. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Xét đối với ý kiến của nguyên đơn cho rằng: Hợp đồng vay tiền ký kết ngày 16/11/2018 giữa ông Hà Văn H và bà Điều Thị L được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm D (nay đổi tên thành Văn phòng Công chứng Ngọc H) chỉ là giả tạo. Theo quy định tại khoản 1 Điều 124 Bộ luật Dân sự 2015 thể hiện *“1. Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một*

*giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan.”.* Từ quy định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc các bên thực hiện giao kết hợp đồng vay tiền là nhằm mục đích để bà L vay số tiền 260.000.000 đồng của ông H, là mục đích cuối cùng mà bên nguyên đơn muốn đạt được khi xác lập giao dịch ngày 16/11/2018. Mặt khác, ngoài nhằm mục đích vay tiền ra các bên thực hiện giao kết hợp đồng không nhằm mục đích để cho giấu một giao dịch dân sự nào khác. Do đó, không có căn cứ để xác định Hợp đồng vay tiền ký kết ngày 16/11/2018 là giả tạo theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự 2015 như ý kiến trình bày của nguyên đơn.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử, xét thấy Hợp đồng vay tiền ký kết ngày 16/11/2018 giữa ông Hà Văn H và bà Điều Thị L được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm D (nay đổi tên thành Văn phòng Công chứng Ngọc H) có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015.

[7] Đối với yêu cầu ông H khắc phục hậu quả trả lại các giấy tờ gốc gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Điều Thị L, bằng đại học, chứng chỉ hành nghề tiếng Anh cho bà L. Xét thấy, tại “Giấy cam kết” lập ngày 15/11/2018 giữa bà L và ông H thể hiện có việc ông H đã cầm giữ các giấy tờ gốc gồm: 01 Bằng tốt nghiệp Đại học Trường Đại học Đồng Tháp cấp Bằng cử nhân sư phạm Tiếng Anh ngày 09/4/2013, số hiệu: 298866; 01 Chứng chỉ hành nghề Tiếng anh do Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Phước cấp (Internationnal Test of English Proficiency CERTIFICATE OF PROFICIENCY); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 299368, số vào sổ cấp GCN: CH000943/CMOI-CR do UBND huyện Bù Gia Mập cấp ngày 10/5/2008 cho hộ bà Điều Thị L. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trình bày thừa nhận có cầm giữ những giấy tờ trên của bà L là để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng vay tiền ngày 16/11/2018 nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Tuy nhiên, tại thời điểm ông H nhận cầm cố các giấy tờ nêu trên không được thực đăng ký theo quy định tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Mặt khác, ông H cũng không có đăng ký kinh doanh về dịch vụ cầm đồ theo quy định của pháp luật. Vì vậy, cần buộc Hoàn phải trả lại các giấy tờ nêu trên cho bà L.

[8] Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 40; Điều 147; Điều 157, khoản 1 Điều 184; Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 116, 117, 118, 119, 124, 385, 386, 463 Bộ Luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 41, 46 Luật Công chứng năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Không chấp nhận yêu cầu Hủy Hợp đồng vay tiền số công chứng 6170 ngày 16/11/2018 được ký kết tại Văn phòng Công chứng Phạm D giữa bên cho vay ông Hà Văn H và bên vay bà Điều Thị L. Buộc các bên phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết ngày 16/11/2018.

Buộc ông H trả lại các giấy tờ gốc gồm: 01 Bằng tốt nghiệp Đại học Trường Đại học Đồng Tháp cấp Bằng cử nhân sư phạm Tiếng Anh ngày 09/4/2013, số hiệu: 298866; 01 Chứng chỉ hành nghề Tiếng anh do Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Phước cấp (Internationnal Test of English Proficiency CERTIFICATE OF PROFICIENCY); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 299368, số vào sổ cấp GCN: CH000943/CMOI-CR do UBND huyện Bù Gia Mập cấp ngày 10/5/2008 cho hộ bà Điều Thị L.

##### **2. Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Điều Thị L phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020000 ngày 08/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Bà L đã nộp đủ.

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Hà Văn H phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Công**